TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:47/2020/HS-ST
Ngày: 21/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Tâm.
2. Ông Trương Khánh Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2020/TLST - HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST - HS ngày 07 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị H; Sinh ngày: 15/10/1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Đặng Văn B, sinh năm 1962; trú quán và làm ruộng tại xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; con bà: Dương Thị Â, sinh năm 1962; Trú quán và làm ruộng tại: xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; Chưa có con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa*.

*** Bị hại**: chị Vi Thị N, sinh năm 1998 (*Có mặt*);
Trú quán: xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

*** Người làm chứng**:
1. Anh Vi Văn T, sinh 2002 (*Vắng mặt*);
Trú quán: Xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.
2. Chị Nông Thị N, sinh năm 1981 (*Vắng mặt*);
Trú quán: Xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 03/02/2020, Đặng Thị H đi bộ từ nhà sang nhà chị Vi Thị N (*là em dâu H*), Sinh năm 1998, trú quán: xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ chơi. Lúc này, chị N cùng với chồng là Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995 và anh Lê Công Du, sinh năm 1994 là người cùng xóm đang ngồi chơi nói chuyện ở dưới bếp. H bế cháu Hưởng, sinh năm 2018 là con của chị N, anh H1 lên phòng khách nhà chị N ngồi chơi. Tại phòng khách, H quan sát thấy trên chiếc ghế gỗ dài có đặt 01 chiếc ví bằng vải màu đen không đóng khóa (*biết đây là chiếc ví mà chị N hay sử dụng đựng tiền đi chợ*). Lúc này, trong phòng khách chỉ có cháu H2 và bà Lã Thị N1 (*sinh năm 1931 là bà nội của chị N*) đã già yếu, mắt không nhìn được nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của chị N để chi tiêu cá nhân. H đi đến vị trí để chiếc ví trên rồi thò cả bàn tay phải vào ngăn giữa của chiếc ví lấy 01 tập tiền, gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 200.000 đồng và 10.000 đồng. H gập đôi tập tiền lại và đút vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi đi ra vị trí chân cầu thang ở ngoài đầu nhà chị N giấu số tiền vừa trộm cắp được dưới tấm Prô xi măng, chờ có cơ hội mọi người không để ý sẽ đem số tiền về nhà chi tiêu. Sau khi cất giấu tiền, H quay lại phòng khách chơi với cháu H2. Khoảng 15 phút sau thì chị Nông Thị N, sinh năm 1981 (*hàng xóm của chị N*) sang nhà chị N chơi. Sau đó, H rủ chị N về nhà H, chị N đồng ý. Về phía chị N sau khi H và chị N về chị N lên phòng khách để lấy ví đi chợ, chị N kiểm tra ví thì thấy mất toàn bộ số tiền để trong ví nên chị N đi sang nhà H nói với H và chị N việc chị N bị mất toàn bộ số tiền trong ví, số tiền bị mất khoảng hơn 5.000.000 đồng. Biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện nhưng để che giấu hành vi phạm tội của mình H vẫn đi cùng chị N sang nhà chị N tìm tiền cùng vợ chồng chị N. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, H lo sợ chị N trình báo Công an nên H cùng anh Nguyễn Văn Thành (*chồng H*) sang nhà chị N nói chuyện, mục đích H tìm cách trả lại số tiền đã trộm cắp cho chị N, H đi lối tắt sang nhà chị N rồi đi vòng ra vị trí chân cầu thang phía bên ngoài ở đầu nhà chị N thò tay xuống tấm prô xi măng nơi H cất giấu tiền lấy tập tiền trên cho vào túi áo khoác đang mặc, sau đó, đi vào nhà chị N nói chuyện với mọi người, trong đó, có anh Vi Văn T, sinh năm 2002 (*hàng xóm nhà chị N*). Đợi mọi người đi ra ngoài sân ngồi, H sang ngồi ở vị trí chiếc ghế dài trong phòng khách nhà chị N và lấy tập tiền trong túi áo khoác đang mặc ra, để toàn bộ tập tiền đó xuống dưới tấm đệm ghế gỗ dài rồi H đi về.

Sau khi H về, nhận thấy H có biểu hiện nghi vấn nên anh T đã đến kiểm tra vị trí chiếc ghế gỗ dài trong phòng khách H vừa ngồi lật tấm đệm lên thì phát hiện thấy 01 tập tiền Polyme để dưới tấm đệm ghế. Anh T đã thông báo cho chị N, chị N cầm tập tiền sang nhà chị N cùng chị N kiểm đếm thì xác định số tiền là 5.480.000 đồng.

Sau khi tìm thấy tiền, chị N đã làm đơn trình báo đến Công an xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ Số tiền 5.480.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (trong đó có 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 08 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) đã được trả lại cho chị Vi Thị N quản lý, sử dụng.

+ 01 ví bằng vải có dây đeo màu đen, kích thước 20 cm x 15 cm, trên ví có in chữ "YATEHU". Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKSĐT ngày 28/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đặng Thị H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đặng Thị H và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng: xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại ...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có kH1 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, thấy: Tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị H khai nhận. Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 03/02/2020 tại gia đình chị Vi Thị N thuộc xóm T, xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng chị N sơ hở trong quản lý tài sản, Đặng Thị H đã thực hiện hành vi trộm cắp 5.480.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam của chị N.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, biên bản sự việc, biên bản hiện trường ...

Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình

sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

[3]. Xét tính chất của vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa; Người phạm tội thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm b,i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra còn được phía bị hại có đơn và ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, chưa có tiền án, tiền sự; được gia đình nuôi ăn học và có đủ nhận thức được các việc làm đúng, sai của bản thân. Nhưng vì lòng tham và coi thường pháp luật bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[6]. Về hình phạt: Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy: chỉ vì lòng tham nên khi thấy tài sản của người khác sơ hở bị cáo đã nẩy sinh ý định trộm cắp tài sản của người bị hại và khi nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự nguyện sửa chữa khắc phục hậu quả bằng việc trả lại số tiền trộm cắp tại vị trí thực hiện hành vi trộm cắp. Vì vây, khi lượng hình HĐXX cần cân nhắc xem xét cho bị cáo được hưởng mưc án phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự:

+ Số tiền 5.480.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (*trong đó có 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 08 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng*) đã được trả lại cho chị Vi Thị N quản lý, sử dụng.

+ 01 ví bằng vải có dây đeo màu đen, kích thước 20 cm x 15 cm, trên ví có in chữ "YATEHU". Đây là tài sản hợp pháp của chị N, cần trả lại cho người bị hại là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Đặng Thị H** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Đặng Thị H** 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị

cáo cho UBND xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

*** Về vật chứng vụ án**: Trả lại cho chị Vi Thị N 01 ví bằng vải có dây đeo màu đen, kích thước 20 cm x 15 cm, trên ví có in chữ "YATEHU"

(Đặc diểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 47/QĐ - VKSĐT ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đặng Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- THA DS, THA HS Đại Từ;
- Bị cáo, Bị hại; UBND xã Đ;
- Lưu VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên